TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Lương.
2. Bà Bùi Thị Diễm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/9/2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1982. Có mặt.
Địa chỉ: ấp 7*, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Võ Phương T, sinh năm 1977. Có mặt.
Địa chỉ: ấp 7*, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Tuyết M là nguyên đơn trình bày: chị với anh T do tự quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, chị với anh T đi đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào năm 2000, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T vào năm 2002. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ và sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24Kra, số vàng này vợ chồng đã bán hết hiện nay không còn. Sau khi cưới chị về sống chung bên gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi uống rượu, bia về đánh đập, hành hạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, anh T không sửa đổi những

khuyết điểm. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002, hiện đang sống với anh T và Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005 hiện đang sống với chị.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Phương T.

- Về con chung: tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002, hiện đang sống với anh T và Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, sống với ai người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Võ Phương T là bị đơn trình bày: anh với chị M do tự quen biết và được gia đình hai đồng ý cho tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh T vào năm 2002. Nữ trang cưới gồm 03 chỉ vàng 24Kra, vợ chồng đã bán hết hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M đi làm và anh có bản tính ghen tuông nên đôi khi xúc phạm và đánh chị M dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh cho đến nay không giải quyết được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002 và Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005 hiện các con đang sống với vợ chồng anh chị.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị M, mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại để chăm lo cho các con.

Trường hợp pháp luật giải quyết cho ly hôn thì:

- Về con chung, tùy theo nguyện vọng của các con sống với cha hoặc mẹ, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tự khai trong quá trình giải quyết vụ án em Võ Công T trình bày: em là con của ông Võ Phương T và bà Lê Thị Tuyết M. Việc hôn nhân của cha mẹ, em không ý kiến gì. Trường hợp cha mẹ ly hôn, em có nguyện vọng được sống với cha là ông T.

Tại các tự khai trong quá trình giải quyết vụ án em Võ Ngọc H trình bày:

em là con của ông Võ Phương T và bà Lê Thị Tuyết M. Việc hôn nhân của cha mẹ, em không ý kiến gì. Trường hợp cha mẹ ly hôn, em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà M.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và không có cung cấp chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Võ Phương T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T vào ngày 17/10/2002 nên hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị M thừa nhận tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận là cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh đã xúc phạm đến danh dự của chị M, hai bên đã thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đến nay không khắc phục được. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T đã căng thẳng, nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị không còn tình cảm thương yêu với anh T nữa và mong muốn pháp luật giải quyết cho chị được ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị M và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Từ những phân tích trên xét thấy mục đích hôn nhân của chị M và anh T không đạt được nữa nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M xin được ly hôn với anh T là phù hợp tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] ***Về con chung*****:** có 02 người tên: tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002 hiện đang sống với anh T và Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005 hiện đang sống với chị M. Giữa chị M và anh T đều thống nhất yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con, các con sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc

giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi chị M và anh T ly thân cho đến nay, em T sống với anh T và do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và em H sống với chị M và do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt trong cuộc sống và hiện nay 02 em có cuộc sống ổn định và nguyện vọng của em Công T được sống chung với anh T và em Ngọc H mong muốn được sống chung với chị M là có căn cứ, từ đó nghĩ nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của chị M và anh T và theo nguyện vọng của các con nên công nhận cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005; anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002.

[4] ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** hai bên chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] ***Về tài sản chung:*** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] ***Về nợ chung:*** không có. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*** buộc chị Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Anh Võ Phương T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn với anh Võ Phương T.

[2] Về con chung: Công nhận cho chị Lê Thị Tuyết M quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 08/5/2005.

Công nhận cho anh Võ Phương T quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Công T, sinh ngày 28/10/2002.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0018490, ngày 19/9/2018 do chị M nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị Lê Thị Tuyết M đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp. Anh Võ Phương T không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã An Trường;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung